

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HC-PT

Ngày: 05 - 02 - 2026

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2025 về khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 29, 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Lê L, sinh năm: 1956; CCCD: 052056005591 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị C, sinh năm: 1957; CCCD: 052157005173 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Đại diện ủy quyền của ông Lê L: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tầng A, LKA D, đường số A, khu đô thị T, phường Q, tỉnh Gia Lai.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành D – Phó Chủ tịch UBND phường Q (Theo văn bản ủy quyền số: 07/GUQ-UBND ngày 06/8/2025); (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Hồng K, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

2. Anh Lê Ngọc B, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

3. Chị Lê Thị T1, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

4. Chị Lê Thị T2, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

5. Chị Trần Thị Lệ T3, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường Q, tỉnh Gia Lai.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê L và bà Trần Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Lê L, bà Trần Thị C; Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện anh Lê Văn T thống nhất trình bày:

Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 13 cùng ngôi nhà có trên đất tọa lạc tại thôn H, xã N có nguồn gốc là của gia đình ông L bà C nhận chuyển nhượng từ năm 1995. Trong quá trình sử dụng gia đình ông bà còn mở rộng, bồi trức thêm diện tích đất liền kề, tạo lối đi ra biên để tiện cho sinh hoạt hàng ngày. Phần đất coi nơi có diện tích khoảng 114 m², chiều dài khoảng 19 m (tính từ khuôn viên nhà đất cũ), chiều rộng 06 m, giáp bãi ven biển; trên đất có nhà ở, công trình phụ và một phần lối đi. Gia đình ông bà đã sử dụng thửa đất nói trên ổn định, liên tục và không có ai tranh chấp. Vì ông bà tuổi cao, không lao động được nên đã cho gia đình ông Nguyễn Văn T4 thuê 01 phần trong thửa đất nói trên để kinh doanh, mở quán bán đồ ăn.

Thực hiện Dự án kè xã N, gia đình ông L, bà C bị thu hồi 88m² đất, phần tiếp giáp với bờ biển, thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ 13. Quá trình thu hồi, gia đình ông L, bà C không nhận được thông báo gì của các cấp chính quyền. Khi Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B tổ chức thi công, tháo dỡ các công trình trên đất thì gia đình ông L, bà C mới biết đất của mình đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án kè xã N.

Ngày 14/7/2020, gia đình ông L, bà C gửi đơn khiếu nại về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ nói trên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, gia đình ông L, bà C nhận được Bảng chiết tính giá trị hỗ trợ do UBND xã N giao thì mới biết trong số 88m² đất bị thu hồi,

các cơ quan Nhà nước chỉ xem xét bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L, bà C diện tích là 37,08m², phần đất thu hồi còn lại là 50,92m² chưa được xem xét giải quyết bồi thường hỗ trợ. Đồng thời, trong Bảng chiết tính nêu lý do không bồi thường, hỗ trợ là do *“ông T4 coi nói, lấn chiếm thêm 50,92m² phần tiếp giáp để mở quán sau ngày 01/7/2004”*.

Không đồng ý với việc xác định nguồn gốc sử dụng đất và mức bồi thường hỗ trợ của UBND xã N, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q và UBND thành phố Q, nên gia đình ông L, bà C đã làm đơn khiếu nại cụ thể như sau:

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, gia đình ông L, bà C đã làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố Q, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Q (sau đây gọi tắt là Trung tâm) đề nghị xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư do bị thu hồi đất thực hiện Dự án kè xã N.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, gia đình ông L, bà C nhận được Văn bản số 236/TTPTQĐ-GPMB ký ngày 24/8/2020 của Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Q (Văn bản 236) cho biết Trung tâm lập phương án bồi thường trên cơ sở xác định nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã N. Theo UBND xã N, trong số đất thu hồi của gia đình ông bà 88m², có 50,92m² đất là do ông Nguyễn Văn T5 lấn chiếm năm 2016, nên không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Gia đình ông bà nhận thấy, UBND xã N xác định nguồn gốc đất do gia đình ông bà đang sử dụng là không đúng thực tế nên ngày 23 tháng 10 năm 2020, vợ chồng ông L, bà C gửi Đơn khiếu nại đến UBND xã N (nay là UBND phường Q), đề nghị xem xét lại việc xác định nguồn gốc đất không đúng thực tế sử dụng đối với phần đất bị thu hồi thực hiện Dự án kè xã N.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, gia đình ông L, bà C nhận được Quyết định số 09/QĐ-UBND ký ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết khiếu nại nói trên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 09). Theo đó, Chủ tịch UBND xã N *“không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề nghị xem xét giải quyết xác nhận lại nguồn gốc đất đối với thửa đất bị thu hồi”*. Quyết định số 09 của Chủ tịch UBND xã N chỉ căn cứ vào báo cáo của cán bộ địa chính mà không đưa ra được đánh giá, giải thích thỏa đáng đối với các ý kiến khiếu nại của gia đình ông bà.

Do vậy, gia đình ông bà không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 09 của Chủ tịch UBND xã N và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Q, UBND thành phố Q.

Ngày 28/5/2021, Chủ tịch UBND xã N ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 09), trong đó, tại Điều 2 có nêu rõ: *“tiếp tục giải quyết khiếu nại của gia đình tôi theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại”*.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, gia đình ông bà nhận được Quyết định số 217/QĐ-UBND ký ngày 05/7/2021 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là Quyết định số 217). Theo đó, một lần nữa, Chủ tịch

UBND xã N không công nhận nội dung khiếu nại của gia đình ông bà về việc xác nhận nguồn gốc đất do gia đình đang sử dụng bị thu hồi đất để thực hiện Dự án kè xã N.

Quyết định số 217/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của ông Lê L và bà Trần Thị C (lần đầu) là không thỏa đáng, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, bà nên ông, bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 217. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc UBND xã N xác định chủ sử dụng đất đúng thực tế cho gia đình ông, bà; Giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà đối với phần đất bị thu hồi 88m² theo quy định pháp luật. Yêu cầu UBND xã N đề xuất cơ quan có thẩm quyền cấp gia đình ông, bà 01 lô đất tái định cư.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút yêu cầu về việc hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của ông Lê L và bà Trần Thị C (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã N.

Tiếp tục khởi kiện yêu cầu: Hủy bỏ nội dung xác nhận của UBND xã N (nay là UBND phường Q) đối với 88m² đất bị thu hồi, có 50,92m² là do “ông T5 coi nói, lấn chiếm thêm 50,92m² phần tiếp giáp để mở quán sau ngày 01/7/2004”. Buộc UBND xã N (nay là phường Q) xác định chủ sử dụng đất đúng thực tế cho toàn bộ diện tích đất bị thu hồi (88m²) là của gia đình ông L, bà C. Trên cơ sở đó, giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L, bà C đối với phần đất bị thu hồi 88m² theo quy định pháp luật. Anh T6 và bà C xác định đây là hành vi hành chính. Anh T6 và bà C xác định người bị kiện đối với hành vi hành chính là UBND xã N (nay là UBND phường Q).

Trên cơ sở, xác định đúng nguồn gốc đất bị thu hồi, buộc UBND xã N (Nay là UBND phường Q) kiến nghị, đề xuất các cấp có thẩm quyền giải quyết cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư theo chính sách của nhà nước.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành D – Phó chủ tịch UBND xã N trình bày:

Tại văn bản số 61/UBND-ĐC ngày 11/8/2020 về xác nhận nguồn gốc đất đai, nhà ở, vật kiến trúc và tài sản có trên đất bị ảnh hưởng di dời giải phóng mặt bằng dự án kè xã N có nội dung: Đất có nguồn gốc của vợ chồng ông Lê L, bà Trần Thị C lấn chiếm và xây dựng nhà từ đất chưa sử dụng do nhà nước quản lý sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004. Năm 2016 vợ chồng ông L, bà C có cho ông Nguyễn Văn T4 thuê để mở quán, ông T4 sửa chữa lại nhà cũ, ông T4 coi nói lấn chiếm thêm 50,92m² phần đất tiếp giáp mở rộng quán. Năm 2018, ông T4 nghỉ bán, tháo dỡ nhà và trả lại đất thuê. Tổng diện tích đất hộ sử dụng là 110m², diện tích thu hồi là 88m², diện tích đất còn lại 22m².

Trong quá trình giải quyết đơn của ông L, bà C, UBND xã N đã tiến hành làm việc với ông T4 (người thuê đất của vợ chồng ông L, bà C) và một số hộ dân để xác minh nguồn gốc sử dụng đất của ông L và bà C thể hiện qua biên bản làm việc ngày 06/8/2020. Qua làm việc, các hộ dân trình bày: Năm 2016 ông T4 có thuê của vợ chồng ông L, bà C một phần đất từ cổng nhà ông L, bà C trở ra, lúc này là khoản đất trống, bên cạnh đường đi có một ngôi nhà bằng gạch đã xuống cấp, của một hộ dân đã thuê của ông L, bà C nhưng lâu không sử dụng.

Sau khi thuê đất, ông T4 đã sửa chữa lại ngôi nhà, phá nền. Tiếp đó ông T4 xin phép UBND xã N đổ đất, xây mặt bằng, thuê lối đi trước mặt nhà ông L, bà C để mở rộng quán kinh doanh, phần đất trước nhà ông L, bà C là bãi cát sau đó ông L, bà C đã cho ông T4 thuê xây dựng quán, lúc xây dựng ông T4 coi nói thêm phần diện tích này ra ngoài bãi cát. Móng đá chẻ trước mặt nhà ông Lê L, bà C là do ông T4 xây dựng năm 2018, ông T4 trả mặt bằng, tháo dỡ mái tole (theo biên bản ngày 06/8/2020 và biên bản ngày 31/12/2020).

Ông L, bà C đã khiếu nại việc xác nhận lại nguồn gốc đất đối với thửa đất đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng Dự án kè Nhơn H đã được UBND xã N ban hành Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L và bà Trần Thị C.

Đồng thời tại văn bản số: 238/TTPTQĐ-GPMB ngày 24/8/2020 về việc trả lời đơn của ông Lê L và bà Trần Thị C, UBND thành phố cũng đã ban hành quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 về việc thu hồi đất của gia đình ông L, bà C.

UBND xã N (nay là UBND phường Q) không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê L, bà Trần Thị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T2; anh Lê Ngọc B; chị Trần Thị Lệ T3; anh Lê Hồng K; chị Lê Thị T1:

Thông nhất với nội dung trình bày của vợ chồng ông Lê L và bà Trần Thị C, không có ý kiến gì khác.

Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 29, 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu huỷ Quyết định số: 217/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Chủ tịch UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) của ông Lê L và bà Trần Thị C.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L, bà Trần Thị C về việc yêu cầu UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) xác định lại nguồn gốc đất vì không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Ngày 06/10/2025, người khởi kiện ông Lê L, bà Trần Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy bỏ nội dung xác định nguồn gốc đất của UBND xã N (nay là UBND phường Q) đối với 88m² đất bị thu hồi. Buộc UBND phường Q xác định lại nguồn gốc đất đúng thực tế cho toàn bộ diện tích 88m² đất bị thu hồi là của gia đình ông L bà C. Buộc UBND phường Q kiến nghị, đề xuất các cấp có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình ông 01 lô đất tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải

quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 3; Điều 30; khoản 2 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ông Lê L và bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L và bà Trần Thị C (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã N đồng thời người bị kiện cho rằng việc UBND xã N xác định nguồn gốc 88m² đất bị thu hồi tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 13 tại thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) là hành vi hành chính nên yêu cầu Tòa án buộc UBND xã N (nay là UBND phường Q) xác định lại nguồn gốc đất nói trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại*” là không đúng với nội dung khởi kiện của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND phường Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc B, chị Trần Thị Lệ T3, anh Lê Hồng K và chị Lê Thị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lê Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lê L và bà Trần Thị C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Tại Văn bản số 61/UBND - ĐC ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã N về xác nhận nguồn gốc đất đai, đất ở, vật kiến trúc và tài sản có trên đất bị ảnh hưởng di dời GPMB dự án K, xã N (đợt bổ sung) kèm theo Danh sách hộ gia đình có đất đai, nhà ở và tài sản có trên đất bị ảnh hưởng GPMB dự án K N (đợt bổ sung), UBND xã xác nhận với nội dung: “*Đất có nguồn gốc do vợ chồng ông Lê L và bà Trần Thị C lấn chiếm từ đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý sau 15/10/1993 trước 01/7/2016, vợ chồng ông L cho ông T4 thuê để mở quán, ông T4 coi nơi, lấn chiếm thêm 50,92m² phần đất tiếp giáp để mở quán. Năm 2018, ông T4 nghỉ bán tháo dỡ nhà và trả lại đất thuê*”.

Người khởi kiện ông Lê L và bà Trần Thị C nại rằng: Việc xác định nguồn gốc đất theo Công văn số 61 nói trên là không có cơ sở vì đất này có nguồn gốc đất của vợ chồng bà và việc coi nói là do vợ chồng ông bà thực hiện.

Tuy nhiên, việc xác định nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất chỉ là một trong các điều kiện để Ủy ban nhân dân thành phố Q xem xét ban hành Quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê L và bà Trần Thị C do ảnh hưởng GPMB công trình Dự án Kè xã N, thành phố Q (đợt 11). Do đó, hành vi xác nhận nguồn gốc đất theo Công văn số 61 của UBND xã N và yêu cầu xác định lại nguồn gốc đất đúng thực tế cho toàn bộ diện tích 88m² đất bị thu hồi là của gia đình ông L bà C không phải là hành vi hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính nên không được xem là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L và bà Trần Thị C về việc yêu cầu UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai) xác định lại nguồn gốc đất là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu của người khởi kiện ông Lê L và bà Trần Thị C yêu cầu buộc UBND xã N (Nay là UBND phường Q) kiến nghị, đề xuất các cấp có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình ông L bà C 01 lô đất tái định cư. HĐXX thấy rằng, nội dung này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thụ lý giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể giải quyết được.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê L và bà Trần Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện; Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 1 Điều 123, Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê L, bà Trần Thị C. Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 05/2025/HCST ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai.

1.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu huỷ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Chủ tịch UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) của ông Lê L và bà Trần Thị C.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L, bà Trần Thị C về việc yêu cầu UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) xác định lại nguồn gốc 88m² đất bị thu hồi tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 13 tọa lạc thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Lê L và bà Trần Thị C được miễn.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê L và bà Trần Thị C phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sơ thẩm (đã nộp xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân KV1- Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1- Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự KV1-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thắm